TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2026/DS-ST
Ngày: 12 - 8- 2026
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Hoàng Minh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Thắng.
2. Ông Phạm Văn Bình.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngát - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 – Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Cao Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 – Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2026/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2026 về tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2026/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị O, sinh ngày 20/10/1991; Căn cước công dân số: 040191037461, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 12/06/2022; Nơi thường trú: Thôn A, xã H, tỉnh Nghệ An; Nơi tạm trú: Số nhà F, ngách C, khu phố Đ, phường V, TP Hà Nội.

Bị đơn:

- Anh Trương Văn H, sinh ngày 06/04/1984; Căn cước công dân số: 036084012701, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 04/12/2021.

Nơi thường trú: T (nay là thôn T), xã N, tỉnh Ninh Bình.

- Chị Vũ Thị Hoài P, sinh ngày 15/04/1993; Căn cước công dân số: 034193006603, do Cục C về TTXH.

Nơi thường trú: Thôn M, xã N, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Trương Văn H: Chị Vũ Thị Hoài P, sinh ngày 15/04/1993; địa chỉ: Thôn M, xã N, tỉnh Hưng Yên. (Theo giấy uỷ quyền ngày 02/7/2026).

Tại phiên toà vắng mặt chị Nguyễn Thị O, chị Vũ Thị Hoài P (*có đơn xin xét xử vắng mặt*), anh Trương Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 04-02-2026, bản tự khai ngày 06-04-2026, bản trình bày ý kiến đề ngày 17/07/2026, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị O trình bày:

Do có quen biết với nhau khi làm ăn chung trong nhiều năm nên giữa chị và vợ chồng ông H, bà P khá thân thiết. Vì cần vốn để làm ăn, kinh doanh nên bà P, ông H có hỏi vay tiền chị.

Ngày 08/04/2024, chị cho ông Trương Văn H và bà Vũ Thị Hoài P vay số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), hai bên thỏa thuận khi nào cần lấy lại thì sẽ báo trước 15 ngày. Toàn bộ số tiền vay trên chị đã chuyển khoản trực tiếp qua số tài khoản: 150294762 tại Ngân hàng TMCP V (V1) của bà Vũ Thị Hoài P,

Ngày 20/10/2024, chị tiếp tục cho ông H, bà P vay thêm số tiền 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*), có giấy vay tiền viết tay (ghi ngày 20/10/2025), thời hạn vay từ ngày 20/10/2024 đến ngày 20/10/2025. Toàn bộ số tiền vay trên được chuyển khoản qua số tài khoản: 150294762 tại Ngân hàng TMCP V (V1) của bà Vũ Thị Hoài P.

Ngày 29/12/2024, chị cho ông H, bà P vay tiếp số tiền 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*), có giấy vay tiền viết tay (ghi ngày 29/12/2024), thời hạn vay là 03 tháng (từ ngày 29/12/2024 đến ngày 29/03/2025), số tiền vay trên được chị chuyển khoản 02 (hai) lần:

+ Lần 1: Số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)

+ Lần 2: Số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)

Qua số tài khoản: 150294762 tại Ngân hàng TMCP V (V1) của bà Vũ Thị Hoài P.

Như vậy, tổng số tiền chị O cho ông Trương Văn H và bà Vũ Thị Hoài P vay là: 1.050.000.000 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng).

Tất cả các lần vay trên các giấy vay nợ không ghi thoả thuận lãi suất gì trên giấy vay nợ mà chỉ nói miệng với nhau là lãi theo quy định của pháp luật tuy nhiên từ đó đến nay ông H và bà P không lần nào trả cho chị O tiền gốc và tiền lãi.

Nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nên chị O yêu cầu Toà án buộcông Trương Văn H và bà Vũ Thị Hoài P phải chịu trách nhiệm liên

đới trả cho chị nợ gốc là: 1.050.000.000 đồng (*Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng)* và buộc ông Trương Văn H và bà Vũ Thị Hoài P trả cho chị tiền lãi tạm tính từ ngày 30/12/2024 đến ngày 31/01/2026 là 13 tháng với số tiền là: 1.050.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 13 tháng = 113.295.000 đồng (Một trăm mười ba triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng). Tổng số tiền chị yêu cầu ông Trương Văn H và bà Vũ Thị Hoài P phải trả lại cho chị tạm tính là: 1.163.295.000 đồng (Một tỷ một trăm sáu mươi ba triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Tại bản tự khai ngày 06-04-2026, chị O xin tự nguyện rút yêu cầu đối với phần buộc ông Trương Văn H và bà Vũ Thị Hoài P phải trả cho chị tiền lãi như trong đơn khởi kiện.

Tại bản trình bày ý kiến đề ngày 17/07/2026, chị Nguyễn Thị O có yêu cầu buộc ông Trương Văn H và bà Vũ Thị Hoài P phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho chị nợ gốc là: 1.050.000.000 đồng (*Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng)* và buộc ông Trương Văn H và bà Vũ Thị Hoài P trả cho chị tiền lãi phải thanh toán lãi chậm trả tính từ ngày 21/10/2025 đến thời điểm Toà án đưa vụ án ra xét xử là (09 tháng): 78.435.000 đồng (Bảy mươi tám triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Như vậy, tổng số tiền chị yêu cầu ông Trương Văn H và bà Vũ Thị Hoài P phải trả lại cho chị cả tiền gốc và lãi là: 1.128.435.000 đồng (Một tỷ một trăm hai mươi tám triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

2. Tại bản tự khai ngày 03-04-2026 và vi bằng số 660 ngày 24/7/2026, bị đơn là chị Vũ Thị Hoài P trình bày:

Chị xác nhận có vay của chị Nguyễn Thị O số tiền gốc là 1.050.000.000 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng) như nội dung chị O khởi kiện trong đó khoản 100.000.000vnđ và 250.000.000 vnđ chị vay phục vụ cho kinh doanh của cá nhân chị không liên quan đến chồng chị còn khoản vay 700.000.000vnđ, hai vợ chồng chị cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ. Vì làm ăn gặp nhiều khó khăn nên khi đến thời hạn trả nợ chị không thể thu xếp trả được khoản tiền này cho chị O. Nay chị O khởi kiện chị tại Toà án, chị có ý kiến xin được thanh toán dần khoản nợ gốc trên hàng tháng với mức tháng, nếu có điều kiện chị sẽ trả cho chị O nhiều hơn cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền gốc đã vay, đối với tiền lãi chị khai cũng liên tục chuyển tiền trả chị O hàng tháng, nay chị đề nghị Toà án nhân dân khu vực 9 – Ninh Bình và chị O xem xét cho chị được miễn phần lãi chậm trả để tạo điều kiện cho chị thanh toán phần nợ gốc.

Chị Vũ Thị Hoài P xin được vắng mặt tại phiên toà, các buổi làm việc, phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải.

Anh Quách Sơn L trình bày ý kiến: Anh là chồng chị Nguyễn Thị O, yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị O buộc anh Trương Văn H và chị Vũ Thị Hoài P phải

trả cho chị Nguyễn Thị O số tiền vay là 1.050.000.000 đồng tại Toà án, anh xác nhận anh không liên quan đến số tiền này, toàn bộ quá trình vay mượn anh không hề biết và không tham gia. Anh xác nhận số tiền cho vay này là tiền tài sản riêng của chị O không liên quan tới tài sản chung của vợ chồng do đó anh từ chối tham gia tố tụng tại Toà án.

Đối với bị đơn anh Trương Văn H, Toà án đã tiến hành niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để anh Trương Văn H được biết nhưng anh Trương Văn H không đến Tòa án để làm việc.

Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 07 tháng 05 năm 2026, Ủy ban nhân dân xã N và Công an xã N đều xác định: Anh Trương Văn H là người có hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng không thường xuyên ở nhà nên không thể giao trực tiếp các giấy triệu tập và văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Trương Văn H và đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/7/2026, anh Trương Văn H đã có giấy uỷ quyền cho chị Vũ Thị Hoài P thay mặt anh toàn quyền quyết định các vấn đề liên quan đến vụ án.

Toà án đã tiến hành ra quyết trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của anh Trương Văn H trong giấy vay nhận tiền ngày 20/10/2024 so với chữ ký, chữ viết trong Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân của anh Trương Văn H vào ngày 10/01/2025 (*hiện đang lưu giữ tại Công an xã N*).

Kết luận giám định số 2448/KL-KLHS ngày 19-6-2026 của Phòng K - Công an tỉnh N đã kết luận: Chữ ký và chữ viết mang tên Trương Văn H dưới mục "Chồng" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết mang tên Trương Văn H dưới mục: "Người khai/người đại diện hợp pháp" trên mẫu so sánh ký hiệu M1; Chữ ký và chữ viết mang tên Trương Văn H trên mẫu so sánh ký hiệu M2 là do cùng một người ký, viết ra.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Ninh Bình phát biểu ý kiến:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

- Áp dụng khoản 1 Điều 119, Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị O; buộc bị đơn chị Vũ Thị Hoài P phải thanh toán số tiền nợ là 350.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị O và buộc vợ chồng chị Vũ Thị Hoài P, anh Trương Văn H phải thanh toán số tiền nợ là 700.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị O và số tiền lãi theo nguyện vọng của nguyên đơn và theo quy định của pháp luật.

Áp dụng Điều 147, Điều 157 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH/14, đề nghị Tòa án tuyên án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng theo quy định.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị O, chị Vũ Thị Hoài P vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xin giải quyết vắng mặt; anh Trương Văn H đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt nhưng đã có giấy uỷ quyền cho chị Vũ Thị Hoài P. Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Chị Nguyễn Thị O khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Trương Văn H và chị Vũ Thị Hoài P phải trả cho chị O số tiền nợ gốc là 1.050.000.000 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi. Bị đơn là anh Trương Văn H có hộ khẩu thường trú tại TDP B (nay là thôn T), xã N, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm h khoản 1 Điều 40Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Ninh Bình.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên toà hôm nay, chị Nguyễn Thị O, chị Vũ Thị Hoài P xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trương Văn H đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt nhưng đã có giấy uỷ quyền cho chị Vũ Thị Hoài P. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về số tiền vay:

Chị Nguyễn Thị O khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Trương Văn H và chị Vũ Thị Hoài P phải trả cho chị O số tiền nợ gốc tổng cộng là 1.050.000.000 đồng (*Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi. Chị Nguyễn Thị O trình bày chị đã nhiều lần liên hệ phía bị đơn để yêu cầu trả số tiền nợ nêu trên, tuy nhiên anh Trương Văn H và chị Vũ Thị Hoài P cố tình né tránh không chịu trả cho chị số tiền

trên. Chị P đã có bản tự khai đã xác nhận có vay của chị Nguyễn Thị O số tiền gốc là 1.050.000.000 đồng (*Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng*) như nội dung chị O khởi kiện tuy nhiên do làm ăn gặp nhiều khó khăn nên đến thời hạn chị không thể thu xếp trả được khoản nợ này cho chị O.

Căn cứ lời khai của các đương sự, tài liệu chứng cứ do các bên giao nộp đã được kiểm tra, đánh giá, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: anh H, chị P có vay tiền của chị O như đơn khởi kiện của chị O là sự việc có thật.

Tại giấy vay tiền ngày 08/04/2024 thể hiện nội dung chị Vũ Thị Hoài P vay số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) và ngày 29/12/2024, chị Vũ Thị Hoài P vay tiếp số tiền 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) ghi trong giấy vay tiền mục đích làbổ sung vốn kinh doanh tuy nhiên chị O1 có tài liệu chứng cứ gì chứng minh khoản vay này của chị P được dùng cho nhu cầu chung của gia đình đồng thời chị P có lời khai xác định khoản vay này chị vay phục vụ cho kinh doanh của cá nhân chị không liên quan đến chồng chị do đó cần buộc cá nhân chị P phải có trách nhiệm trả số tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) cho chị O.

Ngày 20/10/2024, chị O cho anh H, chị P vay thêm số tiền 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*), đối với giấy vay tiền này theo Kết luận giám định số 2448/KL-KLHS ngày 19-6-2026 của Phòng K - Công an tỉnh N đã xác định chữ ký và chữ viết của anh Trương Văn H ở phía dưới phần Người vay – chồng *có ký tên và viết Trương Văn H* trong Giấy Vay Tiền ngày 20/10/2024 đồng thời chị P có lời khai xác định hai vợ chồng chị cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ khoản vay này do đó vợ chồng anh H, chị P phải cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ số tiền 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*) cho chị O.

[3.2] Về tiền lãi.

Theo nội dung tại các giấy vay tiền, các bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ, nhưng không ghi thỏa thuận lãi suất. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi. Căn cứ Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 *"1. Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý, còn bên cho vay chỉ được đòi lại tài sản trước kỳ hạn, nếu được bên vay đồng ý"*

Theo Điều 357 BLDS quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền *"1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi*

suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này".

Chị P có lời khai thời gian vừa qua chị cũng liên tục chuyển tiền lãi trả chị O hàng tháng tuy nhiên chị không cung cấp được chứng cứ chứng minh lời khai của mình do đó không được HĐXX chấp nhận.

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị O yêu cầu buộc ông Trương Văn H và bà Vũ Thị Hoài P phải có trách nhiệm trả cho chị tiền lãi tiền lãi tính từ ngày 21/10/2025 đến thời điểm Toà án đưa vụ án ra xét xử là 09 tháng, cụ thể số tiền là: 1.050.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 9 tháng = 78.435.000 đồng (Bảy mươi tám triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi là 10%/năm/tổng số tiền vay và tự nguyện tính thời hạn tính lãi 09 tháng là phù hợp phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao nên được chấp nhận.

Tuy nhiên như đã phân tích ở trên chỉ có khoản vay ngày 20/10/2024, chị O cho anh H, chị P vay số tiền 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*) là buộc vợ chồng anh H, chị P phải cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho chị O nên khoản lãi này vợ chồng anh H, chị P phải cùng có trách nhiệm liên đới trả tiền lãi. Cụ thể, tiền lãi của khoản vay ngày 20/10/2025 được tính như sau: 700.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 9 tháng = 52.290.000 đồng (*năm mươi hai triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng*). Số tiền lãi còn lại là 26.145.000 đồng (*hai mươi sáu triệu một trăm bốn mươi lămnghìn đồng*) cần buộc cá nhân chị P phải trả khoản lãi đối với khoản tiền là 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) theo các giấy chị P vay tiền ngày 08/04/2024 và ngày 29/12/2024.

[4] Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Căn cứ vào Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn xin thi hành nếu người phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị O được chấp nhận nên anh Trương Văn H và chị Vũ Thị Hoài P phải chịu tiền án phí tương ứng với số tiền phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị O.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 119, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, 159, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27, điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị O đối với anh Trương Văn H và chị Vũ Thị Hoài P.

- Buộc anh Trương Văn H và chị Vũ Thị Hoài P phải có trách nhiệm liên đới trả chị Nguyễn Thị O số tiền là 752.290.000 đồng *trăm năm mươi hai triệu hai trăm chín mươi triệu đồng*) trong đó, tiền gốc là 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*) và tiền lãi là 52.290.000 đồng (*năm mươi hai triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng*).

- Buộc chị Vũ Thị Hoài P phải phải có trách nhiệm trả chị Nguyễn Thị O số tiền là 376.145.000 đồng (*ba trăm bảy mươi sáu triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) trong đó, tiền gốc là 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi là 26.145.000 đồng (*hai mươi sáu triệu một trăm bốn mươi lămnghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn xin thi hành nếu người phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Vũ Thị Hoài P và anh Trương Văn H phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí là 34.091.000 đồng *(ba mươi tư triệu không trăm chín mươi mốt nghìn đồng*)

- Chị Vũ Thị Hoài P phải chịu án phí là 18.807.000 đồng (*mười tám triệu tám trăm linh bảy nghìn đồng*)

- Chị Nguyễn Thị O được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 22.450.000 đồng (*hai mươi hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0001321 ngày 23-3-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025, các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 9 – Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Ninh Cường, tỉnh Ninh Bình
- Lưu hồ sơ vụ án +VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Minh